

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
(đã được soát xét)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-41
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-41

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi chính thức từ doanh nghiệp Nhà nước ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 02 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Ôn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/04/2015
Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/04/2015
Ông Phạm Công Tháo	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Xuân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Lê Văn Hồng	Thành viên	
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên	
Ông Đặng Huy Hiệp	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/07/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Nguyễn Minh Xuân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2015
Ông Trương Bá Liêm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Thái Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Ông Đậu Vũ Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Đặng Huy Hiệp**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015



Số: 1289/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Bùi Thanh Cường**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2066-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>722.855.115.390</b>	<b>807.556.252.239</b>
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.420.941.361	10.835.472.681
111	1. Tiền		2.420.941.361	10.835.472.681
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.290.000.000	4.255.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.000.000.000	23.000.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(17.710.000.000)	(18.745.000.000)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		289.383.852.642	350.044.590.221
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	260.293.228.824	361.286.506.699
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		13.909.752.117	11.088.559.557
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	16.749.828.387	11.150.732.358
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.568.956.686)	(33.481.208.393)
140	IV Hàng tồn kho	8	418.155.482.377	433.800.110.874
141	1. Hàng tồn kho		434.158.857.618	443.997.395.778
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(16.003.375.241)	(10.197.284.904)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		7.604.839.010	8.621.078.463
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	133.051.409	85.994.411
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.471.787.601	8.457.002.086
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	78.081.966
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>295.864.346.255</b>	<b>284.846.268.086</b>
210	I Các khoản phải thu dài hạn		280.000.000	280.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	280.000.000	280.000.000
220	II Tài sản cố định		129.107.364.363	141.553.245.900
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	38.673.255.049	51.023.941.444
222	- Nguyên giá		71.712.320.837	89.222.889.678
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.039.065.788)	(38.198.948.234)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	90.434.109.314	90.529.304.456
228	- Nguyên giá		91.195.670.450	91.195.670.450
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(761.561.136)	(666.365.994)
230	III Bất động sản đầu tư	12	113.365.153.270	116.396.883.278
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.469.398.960
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.098.634.498)	(29.072.515.682)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
240	IV Tài sản dở dang dài hạn	9	1.934.691.817	2.766.622.639
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.934.691.817	2.766.622.639
250	V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	50.596.250.000	23.587.633.300
251	1. Đầu tư vào công ty con		29.517.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.079.250.000	37.587.633.300
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
260	VI Tài sản dài hạn khác		580.886.805	261.882.969
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	580.886.805	261.882.969
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.018.719.461.645</b>	<b>1.092.402.520.325</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>704.408.235.451</b>	<b>761.611.527.146</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>681.506.938.902</b>	<b>735.479.197.144</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	173.505.462.376	209.616.100.543
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.993.576.733	4.335.393.720
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.676.049.245	3.209.757.975
314	4. Phải trả người lao động		2.705.942.543	10.010.800.980
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.569.622.350	1.816.460.391
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.428.021.764	2.493.097.396
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	490.675.440.789	500.870.120.484
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		952.823.102	3.127.465.655
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>22.901.296.549</b>	<b>26.132.330.002</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	19.631.296.550	17.972.330.003
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	3.269.999.999	8.159.999.999
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>314.311.226.194</b>	<b>330.790.993.179</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>314.311.226.194</b>	<b>330.790.993.179</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		60.535.503.997	57.658.556.822
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.573.466.830
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.777.025.367	24.333.739.527
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		43.105.597	105.113.128
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		4.733.919.770	24.228.626.399
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.018.719.461.645</b>	<b>1.092.402.520.325</b>

Mai Viêt Thanh Vân  
Người lập

Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng

Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015




**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	936.110.310.848	1.113.878.996.912
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.258.788.219	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		934.851.522.629	1.113.878.996.912
11	4. Giá vốn hàng bán	22	908.384.947.134	1.065.630.621.274
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.466.575.495	48.248.375.638
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.955.387.277	6.463.508.141
22	7. Chi phí tài chính	24	17.208.005.299	18.349.462.566
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		16.442.356.486	17.390.777.748
24	8. Chi phí bán hàng	25	16.171.859.849	18.216.221.665
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.774.358.168	5.110.590.635
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.732.260.544)	13.035.608.913
31	11. Thu nhập khác	27	18.806.207.514	273.769.652
32	12. Chi phí khác	28	1.745.760.793	144.040.466
40	13. Lợi nhuận khác		17.060.446.721	129.729.186
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.328.186.177	13.165.338.099
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.594.266.407	3.043.224.678
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.733.919.770</u>	<u>10.122.113.421</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	225	482

  
Mai Viêt Thanh Vân  
Người lập

  
Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng

  
Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
	<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.328.186.177	13.165.338.099
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		6.176.067.993	6.179.698.368
03	- Các khoản dự phòng		(27.141.161.370)	(7.226.192.688)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		456.109.756	1.528.274.613
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.242.428.449)	(6.384.759.818)
06	- Chi phí lãi vay		16.442.356.486	17.390.777.748
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(17.980.869.407)	24.653.136.322
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		93.636.285.737	(19.033.402.948)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9.838.538.160	(137.876.723.193)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(39.154.194.140)	134.458.116.607
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(366.060.834)	260.762.577
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.466.771.025)	(17.493.655.558)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.609.812.370)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.215.775.047)	(3.342.568.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.291.153.444	(21.984.147.063)
	<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(794.407.586)	(462.831.318)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(21.079.250.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.130.577.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.505.517	6.384.759.818
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.361.674.931	(15.157.321.500)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		963.661.091.924	1.129.382.115.455
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(978.745.771.619)	(1.090.438.839.207)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.982.680.000)	(7.533.367.070)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(36.067.359.695)	31.409.909.178
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.414.531.320)	(5.731.559.385)

T. T. N.  
KIM KHÍ  
TOÁN  
3C  
T. T. N.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		10.835.472.681	28.525.964.638
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	7.616.556
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.420.941.361</u>	<u>22.802.021.809</u>


Mai Viêt Thanh Vân  
Người lập

Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởngĐặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi chính thức từ doanh nghiệp Nhà nước ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 02 tháng 07 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 210.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 210.000.000.000 đồng; tương đương 21.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Tái chế phế liệu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.





**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 3	Long An	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

5. C.  
TY  
HỮU H  
EM T  
ASC  
KIỂM T

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ chưa được loại trừ/đã được loại trừ.

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty Cổ phần Thanh Phúc Phương Nam, Ông Đoàn Quang Minh, Ông Nguyễn Chí Dũng thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn với số vốn điều lệ là 38 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh góp vốn bằng tài sản cố định, với giá trị tài sản đánh giá lại là 29.517.000.000 đồng, chiếm 77,68% tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn. Tại ngày 30/06/2015, Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn đang trong giai đoạn chuẩn bị thành lập nên chưa có Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày thành lập đến ngày 30/06/2015 nên Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con hoặc Báo cáo tài chính của bên được đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

## **2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.





**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả dư tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Các khoản thuế**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	698.785.186	1.604.283.241
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.722.156.175	9.231.189.440
	<b>2.420.941.361</b>	<b>10.835.472.681</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu TNB	23.000.000.000	5.290.000.000	(17.710.000.000)	23.000.000.000	4.255.000.000	(18.745.000.000)
	<b>23.000.000.000</b>	<b>5.290.000.000</b>	<b>(17.710.000.000)</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>4.255.000.000</b>	<b>(18.745.000.000)</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	29.517.000.000	29.517.000.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn	29.517.000.000	29.517.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	35.079.250.000	21.079.250.000	(14.000.000.000)	37.587.633.300	23.587.633.300	(14.000.000.000)
- Công ty TNHH VNS DAEWOO	21.079.250.000	21.079.250.000	-	21.079.250.000	21.079.250.000	-
- Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)	14.000.000.000	-	(14.000.000.000)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	2.508.383.300	2.508.383.300	-
	<b>64.596.250.000</b>	<b>50.596.250.000</b>	<b>(14.000.000.000)</b>	<b>37.587.633.300</b>	<b>23.587.633.300</b>	<b>(14.000.000.000)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn(*)	Tp.Hồ Chí Minh	77,68%	77,68%	Kinh doanh tổng hợp

(\*) Căn cứ hợp đồng số 01/HĐNT/TPPN-KK/2015 ngày 15/06/2015, Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh cùng Công ty Cổ phần Thanh Phúc Phương Nam, Ông Đoàn Quang Minh, Ông Nguyễn Chí Dũng thống nhất thành lập Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn với số vốn điều lệ là 38 tỷ đồng và hoạt động tại Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn đang trong giai đoạn chuẩn bị thành lập nên chưa có Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày thành lập đến ngày 30/06/2015.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	
	VND	VND	
<b>Góp vốn đầu tư</b>			
Công ty Cổ phần Depot Sài Gòn	Công ty con	29.517.000.000	-

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH VNS DAEWOO	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	10,00%	10,00%	Kinh doanh thép và nguyên nhiên liệu.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2015	01/01/2015	
	VND	VND	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	260.293.228.824	361.286.506.699	
- Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	56.396.880.620	56.396.880.620	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	203.896.348.204	304.889.626.079	
	<b>260.293.228.824</b>	<b>361.286.506.699</b>	
	Mối quan hệ	30/06/2015	01/01/2015
		VND	VND
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất (*)		56.396.880.620	56.396.880.620
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	Cùng công ty mẹ	2.289.334.101	1.852.681.600
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng công ty mẹ	3.158.337.325	-
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (*)		4.488.382.598	4.539.167.484
		<b>66.332.934.644</b>	<b>62.788.729.704</b>

(\*) Là các công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam (Công ty mẹ).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.749.828.387</b>	<b>(377.830.302)</b>	<b>11.150.732.358</b>	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	19.142.635	-	-	-
- Tạm ứng	254.676.726	-	290.603.493	-
- Ký cược, ký quỹ	3.000.006.536	-	3.000.000.000	-
- Phải thu phí ủy thác và bảo hiểm hàng nhập khẩu	145.889.454	-	77.474.275	-
- Phải thu tiền dịch vụ cho thuê kho, tiền điện, phí quản lý	824.353.900	-	502.824.963	-
- Phải thu tiền chiết khấu thương mại được hưởng Công ty TNHH Thép Vinakyoie và Công ty TNHH Thép Miền Nam	1.442.184.660	-	662.414.050	-
- Phải thu các nhà thầu Công trình 193 Đinh Tiên Hoàng	307.625.000	-	320.405.697	-
- Phải thu cá nhân bồi thường hàng thiếu	245.693.121	-	635.138.401	-
- Phải thu khách hàng quá hạn quy trách nhiệm cho cá nhân	9.556.872.530	(377.830.302)	5.222.343.484	-
- Phải thu lãi chậm trả	820.617.286	-	349.640.995	-
- Phải thu khác	132.766.539	-	89.887.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>280.000.000</b>	-	<b>280.000.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	280.000.000	-	280.000.000	-
	<b>17.029.828.387</b>	<b>(377.830.302)</b>	<b>11.430.732.358</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	58.710.203.855	57.141.247.169	103.804.577.147	70.323.368.754
+ Nguyễn Thái Bình	1.132.259.969	792.581.978	-	-
+ Công ty Cổ phần Thép Tấm Lá Thống Nhất	56.396.880.620	55.539.286.191	56.396.880.620	56.396.880.620
+ Công Ty Cổ phần Đầu Tư GoHome	808.219.451	702.522.218	-	-
+ Công ty TNHH TM SX DV Minh Việt Hưng	210.000.000	-	-	-
+ Các khoản khác	162.843.815	106.856.782	47.407.696.527	13.926.488.134
	<b>58.710.203.855</b>	<b>57.141.247.169</b>	<b>103.804.577.147</b>	<b>70.323.368.754</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	13.585.159.846	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	90.676.307	-	78.667.393	-
Công cụ, dụng cụ	78.837.510	-	-	-
Hàng hoá	420.404.183.955	(16.003.375.241)	443.918.728.385	(10.197.284.904)
	<b>434.158.857.618</b>	<b>(16.003.375.241)</b>	<b>443.997.395.778</b>	<b>(10.197.284.904)</b>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án Số 5 Quốc Hương, Thảo Điền, Quận 2	1.025.290.908	988.927.272
Dự án Chung cư Phú Thuận	909.400.909	863.946.364
Dây chuyền máy cán thép cuộn bẹp, pup - Linh Trung	-	913.749.003
	<b>1.934.691.817</b>	<b>2.766.622.639</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	52.436.943.758	31.106.005.285	4.026.294.749	362.875.055	1.290.770.831	89.222.889.678
- Mua trong kỳ	-	-	140.000.000	214.348.000	-	354.348.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.271.990.408	-	-	-	1.271.990.408
- Góp vốn đầu tư Công ty con	(17.976.376.113)	(918.071.084)	(242.460.052)	-	-	(19.136.907.249)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>34.460.567.645</b>	<b>31.459.924.609</b>	<b>3.923.834.697</b>	<b>577.223.055</b>	<b>1.290.770.831</b>	<b>71.712.320.837</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	19.914.573.821	13.796.895.852	3.510.548.685	275.141.276	701.788.600	38.198.948.234
- Khấu hao trong kỳ	1.372.276.182	1.474.529.181	102.940.722	44.224.494	60.783.456	3.054.754.035
- Góp vốn đầu tư Công ty con	(7.199.239.063)	(809.306.418)	(206.091.000)	-	-	(8.214.636.481)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.087.610.940</b>	<b>14.462.118.615</b>	<b>3.407.398.407</b>	<b>319.365.770</b>	<b>762.572.056</b>	<b>33.039.065.788</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	32.522.369.937	17.309.109.433	515.746.064	87.733.779	588.982.231	51.023.941.444
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>20.372.956.705</b>	<b>16.997.805.994</b>	<b>516.436.290</b>	<b>257.857.285</b>	<b>528.198.775</b>	<b>38.673.255.049</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.802.513.854 đồng.





**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 là giá trị quyền sử dụng của các lô đất Công ty đang quản lý, sử dụng. Khấu hao trong kỳ của các tài sản này là 95.195.142 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2015 là 761.561.136 đồng. Tổng nguyên giá của Tài sản cố định vô hình là 91.195.670.450 đồng, trong đó có 84.341.620.282 đồng là nguyên giá của giá trị quyền sử dụng 9.121,2 m<sup>2</sup> đất tại Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài nên không trích khấu hao.

**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà và thiết bị của hai tòa nhà số 189 Nguyễn Thị Minh Khai và số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng nguyên giá tại 30/06/2015 là 145.463.787.768 đồng. Khấu hao trong kỳ của các tài sản này là 3.026.118.816 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2015 là 32.098.634.498 đồng. Toàn bộ giá trị bất động sản đầu tư này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>133.051.409</b>	<b>85.994.411</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.640.908	36.969.455
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	105.410.501	49.024.956
b) <b>Dài hạn</b>	<b>580.886.805</b>	<b>261.882.969</b>
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	252.068.623	261.882.969
Chi phí trả trước dài hạn khác	328.818.182	-
	<u><b>713.938.214</b></u>	<u><b>347.877.380</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>491.090.120.484</b>	<b>491.090.120.484</b>	<b>963.661.091.924</b>	<b>973.855.771.619</b>	<b>480.895.440.789</b>	<b>480.895.440.789</b>
Ngân hàng TMCP Công thương-CN Hồ Chí Minh (1)	165.594.305.419	165.594.305.419	540.744.054.535	500.434.397.077	205.903.962.877	205.903.962.877
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-CN Hồ Chí Minh (2)	226.144.000.000	226.144.000.000	365.097.359.630	343.730.143.284	247.511.216.346	247.511.216.346
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (3)	49.049.685.209	49.049.685.209	57.819.677.759	79.389.101.402	27.480.261.566	27.480.261.566
Ngân hàng Indovina	9.353.887.048	9.353.887.048	-	9.353.887.048	-	-
Ngân hàng HSBC	40.948.242.808	40.948.242.808	-	40.948.242.808	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>17.939.999.999</b>	<b>17.939.999.999</b>	<b>4.890.000.000</b>	<b>9.780.000.000</b>	<b>13.049.999.999</b>	<b>13.049.999.999</b>
Ngân hàng TMCP Công thương-CN Hồ Chí Minh (4)						
- Từ 1 năm trở xuống	9.780.000.000	9.780.000.000	4.890.000.000	4.890.000.000	9.780.000.000	9.780.000.000
- Từ 1 năm đến 5 năm	8.159.999.999	8.159.999.999	-	4.890.000.000	3.269.999.999	3.269.999.999
	<b>509.030.120.483</b>	<b>509.030.120.483</b>	<b>968.551.091.924</b>	<b>983.635.771.619</b>	<b>493.945.440.788</b>	<b>493.945.440.788</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay với ngân hàng TMCP Công thương-Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 14.171091/HĐTDHM/NHCT900-KIM KHI ngày 01/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 600 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 205.903.962.877 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
  
- (2) Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/94697/HĐTD ngày 30/06/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 500 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 247.511.216.346 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
  
- (3) Khoản vay với ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 151/2014/HĐHM/CIB-HCM ngày 29/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay 50 tỷ hoặc ngoại tệ tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không quá 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.7480.261.566 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (4) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương-Chi nhánh Hồ Chí Minh bao gồm các hợp đồng sau:
  - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 08.399001/HĐTD-TDH ngày 23/09/2008, với các điều khoản chi tiết sau:
    - + Hạn mức tín dụng: 51 tỷ đồng nhưng không vượt quá 60% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án và 70% giá trị đảm bảo;
    - + Mục đích vay: Đầu tư dự án cao ốc văn phòng tại số 193 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP HCM;
    - + Thời hạn của hợp đồng: 08 năm;
    - + Lãi suất cho vay: Theo từng thời kỳ nhận nợ;
    - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là công trình xây dựng trên đất tại 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM;
    - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 8.100.000.000 đồng, trong đó nợ đến hạn trả trong kỳ tới là 6.480.000.000 đồng.
  
  - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09.109001/HĐTD-TDH ngày 07/04/2009, với các điều khoản chi tiết sau:
    - + Hạn mức tín dụng: 42.240.000.000 đồng nhưng không vượt quá 64% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án;
    - + Mục đích vay: Đầu tư dự án cao ốc văn phòng tại số 189 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP HCM;
    - + Thời hạn của hợp đồng: 08 năm;
    - + Lãi suất cho vay: Theo từng thời kỳ nhận nợ;
    - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là công trình xây dựng trên đất tại 189 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP HCM;
    - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 4.949.999.999 đồng, trong đó nợ đến hạn trả trong kỳ tới là 3.300.000.000 đồng.

ST  
C  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
AAS  
KIỂM



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>173.505.462.376</b>	<b>173.505.462.376</b>	<b>209.616.100.543</b>	<b>209.616.100.543</b>
- R & K Trading Co., LTD	35.368.047.764	35.368.047.764	26.018.942.119	26.018.942.119
- Seiwa Corporation	54.419.425.667	54.419.425.667	51.196.073.468	51.196.073.468
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	21.175.225.307	21.175.225.307	27.048.374.864	27.048.374.864
- Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL	42.506.152.216	42.506.152.216	66.587.591.169	66.587.591.169
- Phải trả các đối tượng khác	20.036.611.422	20.036.611.422	38.765.118.923	38.765.118.923
	<b>173.505.462.376</b>	<b>173.505.462.376</b>	<b>209.616.100.543</b>	<b>209.616.100.543</b>

	Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>		<b>63.922.098.784</b>	<b>63.922.098.784</b>	<b>94.911.083.173</b>	<b>94.911.083.173</b>
- Tổng Công ty Thép VN - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	240.721.261	240.721.261	-	-
- Công Ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL	Cùng công ty mẹ	42.506.152.216	42.506.152.216	66.587.591.169	66.587.591.169
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	-	-	1.275.117.140	1.275.117.140
- Công ty TNHH Thép VinaKyoei	Công ty liên kết của công ty mẹ	21.175.225.307	21.175.225.307	27.048.374.864	27.048.374.864
		<b>63.922.098.784</b>	<b>63.922.098.784</b>	<b>94.911.083.173</b>	<b>94.911.083.173</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	517.555.670	5.245.603.365	5.699.645.195	-	63.513.840
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	-	1.653.666.340	1.594.266.407	2.376.947.175	-	870.985.572
Thuế Thu nhập cá nhân	78.081.966	-	837.042.509	170.265.844	-	588.694.699
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	1.038.535.965	521.227.025	466.175.761	-	1.093.587.229
Các loại thuế khác	-	-	12.000.000	12.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	326.745.654	267.477.749	-	59.267.905
	<b>78.081.966</b>	<b>3.209.757.975</b>	<b>8.536.884.960</b>	<b>8.992.511.724</b>	<b>-</b>	<b>2.676.049.245</b>

(\*) Giá trị số đã thực nộp trong kỳ là giá trị được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 theo Quyết định của Cơ quan thuế. Công ty thực hiện ghi nhận giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tăng Quỹ Đầu tư phát triển tương ứng.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	446.522.904	470.937.443
Chi phí hỗ trợ bảo lãnh hợp đồng	415.024.967	781.041.667
Chi phí tư vấn góp vốn thành lập công ty con	350.000.000	-
Chi phí thuê đất 6 tháng đầu năm 2015	899.393.514	-
Chi phí phải trả khác	458.680.965	564.481.281
	<b>2.569.622.350</b>	<b>1.816.460.391</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.428.021.764</b>	<b>2.493.097.396</b>
- Kinh phí công đoàn	51.341.750	101.563.860
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	39.190.825	21.870.825
- Công ty Cổ phần Thép Vĩnh Tiến	-	1.000.000.000
- Chiết khấu sản lượng phải trả khách hàng	8.543.850	1.227.560.870
- Tiền thuê văn phòng phải trả Tổng Công ty Thép Việt Nam	264.000.000	-
- Tiền ứng trước thuê văn phòng	916.445.339	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	148.500.000	142.101.841
<b>b) Dài hạn</b>	<b>19.631.296.550</b>	<b>17.972.330.003</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	19.631.296.550	17.972.330.003
	<b>21.059.318.314</b>	<b>20.465.427.399</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>37.225.230.000</b>	<b>67.374.856.129</b>	<b>1.373.466.830</b>	<b>22.089.979.015</b>	<b>338.063.531.974</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	10.122.113.421	10.122.113.421
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	200.000.000	(4.134.865.887)	(3.434.865.887)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.850.000.000)	(17.850.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>37.225.230.000</b>	<b>67.874.856.129</b>	<b>1.573.466.830</b>	<b>10.227.226.549</b>	<b>326.900.779.508</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>37.225.230.000</b>	<b>57.658.556.822</b>	<b>1.573.466.830</b>	<b>24.333.739.527</b>	<b>330.790.993.179</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	4.733.919.770	4.733.919.770
Trích lập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	500.000.000	-	(500.000.000)	-
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.590.633.930)	(2.590.633.930)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Tặng khác (*)	-	-	2.376.947.175	-	-	2.376.947.175
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>37.225.230.000</b>	<b>60.535.503.997</b>	<b>1.773.466.830</b>	<b>4.777.025.367</b>	<b>314.311.226.194</b>

(\*) Theo Quyết định số 6061/QĐ-CT-XP ngày 27/12/2014 của Cục thuế Tp.Hồ Chí Minh, số thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2012 giảm so với số liệu trên thông báo trước đó (Quyết định số 165/QĐ-CT-XP-TT1 ngày 16/01/2014) là 2.376.947.175 đồng. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện nộp và trích nguồn từ quỹ Đầu tư phát triển đối với giá trị Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu 2012 theo Quyết định 165/QĐ-CT-XP-TT1. Trong kỳ này, Công ty thực hiện ghi nhận tặng nguồn Đầu tư phát triển tương ứng số thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm trên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 68/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100,00%	24.333.739.527
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,05%	500.000.000
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,82%	200.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,65%	2.590.633.930
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	86,30%	21.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	0,18%	43.105.597

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015
	(%)	VND	(%)	VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	55,67%	116.905.700.000	55,67%	116.905.700.000
Trần Linh Phong	5,60%	11.750.000.000	5,06%	10.616.900.000
Vốn góp của cổ đông khác	38,74%	81.344.300.000	39,27%	82.477.400.000
	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>210.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.000.000.000	17.850.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	21.000.000.000	17.850.000.000

d) Cổ phiếu	30/06/2015	01/01/2015
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.535.503.997	57.658.556.822
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.573.466.830
	<b>62.308.970.827</b>	<b>59.232.023.652</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		910.406.261.148	1.086.708.718.632
Doanh thu cung cấp dịch vụ		25.704.049.700	27.170.278.280
		<b>936.110.310.848</b>	<b>1.113.878.996.912</b>
		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	Cùng công ty mẹ	947.857.169	237.962.321.190
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng công ty mẹ	1.982.097.200	4.749.856.430
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	Cùng công ty mẹ	10.539.933.126	181.472.219.371
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng công ty mẹ	12.256.664.000	-
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Cùng công ty mẹ	2.871.215.750	-
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ	29.381.160.949	-
		<b>57.978.928.194</b>	<b>424.184.396.991</b>

**21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Chiết khấu thương mại		1.219.017.020	-
Hàng bán bị trả lại		39.771.199	-
		<b>1.258.788.219</b>	<b>-</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán		898.298.883.272	1.061.357.258.672
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		4.279.973.525	4.273.362.602
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		5.806.090.337	-
		<b>908.384.947.134</b>	<b>1.065.630.621.274</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
		VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		25.505.517	35.700.683
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		2.970.455.426	6.139.409.135
Lãi bán các khoản đầu tư		1.622.193.700	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		-	209.650.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ		337.232.634	15.586.421
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ		-	63.161.902
		<b>4.955.387.277</b>	<b>6.463.508.141</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.442.356.486	17.390.777.748
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.338.927.865	268.261.309
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	456.109.756	1.591.436.515
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.035.000.000)	(920.000.000)
Chi phí tài chính khác	5.611.192	18.986.994
	<b>17.208.005.299</b>	<b>18.349.462.566</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	359.077.105	152.865.699
Chi phí nhân công	6.623.010.986	7.034.674.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.967.301.618	2.809.992.145
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.921.410.779	6.862.698.119
Chi phí khác bằng tiền	1.301.059.361	1.355.991.310
	<b>16.171.859.849</b>	<b>18.216.221.665</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.515.820	125.624.637
Chi phí nhân công	1.059.334.190	2.372.104.177
Thuế, phí, lệ phí	50.024.764	-
Chi phí dự phòng	1.376.121.462	-
Chi phí công nợ được xử lý xóa sổ	1.232.639.884	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.864.035.695	192.909.433
Chi phí khác bằng tiền	2.073.686.353	2.419.952.388
	<b>8.774.358.168</b>	<b>5.110.590.635</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi do đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	18.594.729.232	-
Thu nhập khác	211.478.282	273.769.652
	<b>18.806.207.514</b>	<b>273.769.652</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí thành lập Công ty con	1.613.978.436	-
Chi phí khác	131.782.357	144.040.466
	<b>1.745.760.793</b>	<b>144.040.466</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.328.186.177	13.165.338.099
Các khoản điều chỉnh tăng	126.782.357	105.079.198
- Chi phí không hợp lệ	126.782.357	105.079.198
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(217.266.556)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(209.650.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(7.616.556)
Thu nhập tính thuế TNDN	6.454.968.534	13.053.150.741
Thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế	1.420.093.077	2.871.693.163
Thuế TNDN truy thu theo Quyết định của Cơ quan thuế	174.173.330	171.531.515
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>1.594.266.407</b>	<b>3.043.224.678</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	(2.376.947.175)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.653.666.340	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(3.609.812.370)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>870.985.572</b>	<b>(566.587.692)</b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.733.919.770	10.122.113.421
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.733.919.770	10.122.113.421
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000	21.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>225</b>	<b>482</b>

(\*) Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.592.925	153.377.744
Chi phí nhân công	7.682.345.176	9.406.778.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.176.067.993	6.179.698.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.285.439.438	6.072.860.514
Chi phí khác bằng tiền	5.348.049.300	4.882.803.328
	<b>27.969.494.832</b>	<b>26.695.518.523</b>

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.420.941.361	-	10.835.472.681	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	277.323.057.211	(1.568.956.686)	372.717.239.057	(33.481.208.393)
Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	(17.710.000.000)	23.000.000.000	(18.745.000.000)
Đầu tư dài hạn	35.079.250.000	(14.000.000.000)	37.587.633.300	(14.000.000.000)
	<b>337.823.248.572</b>	<b>(33.278.956.686)</b>	<b>444.140.345.038</b>	<b>(66.226.208.393)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
	<b>Nợ phải trả tài chính</b>	
Vay và nợ	493.945.440.788	509.030.120.483
Phải trả người bán, phải trả khác	194.564.780.690	230.081.527.942
Chi phí phải trả	2.569.622.350	1.816.460.391
	<b>691.079.843.828</b>	<b>740.928.108.816</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.420.941.361	-	-	2.420.941.361
Phải thu khách hàng, phải thu khác	275.474.100.525	280.000.000	-	275.754.100.525
Đầu tư ngắn hạn	5.290.000.000	-	-	5.290.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	21.079.250.000	21.079.250.000
	<b>283.185.041.886</b>	<b>280.000.000</b>	<b>21.079.250.000</b>	<b>304.544.291.886</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản trương đương tiền	10.835.472.681	-	-	10.835.472.681
Phải thu khách hàng, phải thu khác	338.956.030.664	280.000.000	-	339.236.030.664
Đầu tư ngắn hạn	4.255.000.000	-	-	4.255.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	23.587.633.300	23.587.633.300
	<b><u>354.046.503.345</u></b>	<b><u>280.000.000</u></b>	<b><u>23.587.633.300</u></b>	<b><u>377.914.136.645</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Vay và nợ	490.675.440.789	3.269.999.999	-	493.945.440.788
Phải trả người bán, phải trả khác	174.933.484.140	19.631.296.550	-	194.564.780.690
Chi phí phải trả	2.569.622.350	-	-	2.569.622.350
	<b><u>668.178.547.279</u></b>	<b><u>22.901.296.549</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>691.079.843.828</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	500.870.120.484	8.159.999.999	-	509.030.120.483
Phải trả người bán, phải trả khác	212.109.197.939	17.972.330.003	-	230.081.527.942
Chi phí phải trả	1.816.460.391	-	-	1.816.460.391
	<b><u>714.795.778.814</u></b>	<b><u>26.132.330.002</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>740.928.108.816</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh mua bán kim khí, phế liệu và sản phẩm kim loại. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng và kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh chính được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		<u>2015</u>	<u>2014</u>
		VND	VND
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	196.499.589.910	-
Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ	12.381.548.178	5.368.420.992
Công ty Cổ phần Thép Biên Hoà	Cùng Công ty mẹ	721.569.700	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	1.153.771.200	821.897.340
<b>Lãi chậm trả</b>			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	303.394.595	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	102.853.133	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam	Cùng Công ty mẹ	527.753.865	1.149.734.880
<b>Phải trả khác</b>			
Tổng Công ty Thép Việt nam	Công ty mẹ	264.000.000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		<u>2015</u>	<u>2014</u>
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		1.042.976.501	860.180.696





**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.



**Mai Viêt Thanh Vân**  
Người lập



**Võ Thị Lệ Châu**  
Kế toán trưởng



**Đặng Huy Hiệp**  
Tổng Giám đốc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	23.000.000.000	121	1. Chứng khoán kinh doanh	23.000.000.000	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(18.745.000.000)	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	(18.745.000.000)	-
131	1. Phải thu khách hàng	361.286.506.699	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	361.286.506.699	-
132	2. Trả trước cho người bán	11.088.559.557	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.088.559.557	-
135	5. Các khoản phải thu khác	7.860.128.865	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	11.150.732.358	3.290.603.493
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	3.290.603.493	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(3.290.603.493)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.481.208.393)	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(33.481.208.393)	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	78.081.966	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	78.081.966	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	280.000.000	280.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác	280.000.000	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(280.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.766.622.639	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.766.622.639	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	37.587.633.300	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	37.587.633.300	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(14.000.000.000)	254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(14.000.000.000)	-



## Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	500.870.120.484	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	500.870.120.484	-
312	2. Phải trả người bán	209.616.100.543	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	209.616.100.543	-
313	3. Người mua trả tiền trước	4.335.393.720	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.335.393.720	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.209.757.975	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.209.757.975	-
315	5. Phải trả người lao động	10.010.800.980	314	5. Phải trả người lao động	10.010.800.980	-
316	6. Chi phí phải trả	1.816.460.391	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.816.460.391	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.493.097.396	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	2.493.097.396	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.127.465.655	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.127.465.655	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	17.972.330.003	337	6. Phải trả dài hạn khác	17.972.330.003	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	8.159.999.999	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8.159.999.999	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	210.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	210.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	210.000.000.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	56.888.841.446	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	57.658.556.822	769.715.376
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	769.715.376				(769.715.376)
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.573.466.830	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.573.466.830	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.333.739.527	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.333.739.527	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	105.113.128	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	24.228.626.399	-



Mai Viêt Thanh Vân  
Người lập



Võ Thị Lệ Châu  
Kế toán trưởng



Đặng Huy Hiệp  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2015

